

SỰ KHÁC BIỆT TRONG HỌC TIẾNG GIỮA SINH VIÊN VIỆT NAM VÀ SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

HỒ XUÂN MAI*

Chúng tôi dạy Tiếng Việt cho 123 sinh viên, học viên (gọi tắt là sinh viên) nước ngoài theo học chương trình Cử nhân Việt Nam học, gồm: Thái Lan (64), Hàn Quốc (30), Đài Loan (7), Campuchia (8), Lào (6), Malaysia (4), Anh (2) và Mỹ (2). Những sinh viên này đã học tiếng Việt trước khi đến Việt Nam. Khảo sát năng lực tiếng Việt đầu vào của 123 sinh viên cho thấy họ có thể nói được tiếng Việt tương ứng với Level A của CEFR hay Novice Low, bậc 1 của ACTFL; còn năng lực viết thì thấp hơn. Trừ những bài kiểm tra học phần, chúng tôi kiểm tra tiếng Việt của các sinh viên sau mỗi 4 tuần, chỉ hai kỹ năng nghe-nói và viết. Sau 16 tuần, kết quả viết của các sinh viên chỉ khá hơn so với khảo sát ban đầu nhưng vẫn chỉ ở mức Level A, riêng năng lực nói thì có sự tiến bộ đáng kể. Chúng tôi chọn 123 sinh viên Việt Nam, ngành Sư phạm Tiếng Anh trên địa bàn TPHCM để so sánh.

Từ khóa: Tiếng Việt, sinh viên nước ngoài, sinh viên Việt Nam, Sư phạm tiếng Anh, năng lực tiếng Việt

Nhận bài ngày: 11/9/2022; *đưa vào biên tập:* 12/9/2022; *phản biện:* 22/9/2022; *duyet đăng:* 10/10/2022

1. DẪN NHẬP

Đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức khảo sát

Năm học 2017-2018 và 2019-2020⁽¹⁾ chúng tôi dạy tiếng Việt cho 123 sinh viên, học viên năm 1 nước ngoài (SVNN) tại bốn trường trên địa bàn TPHCM⁽²⁾. Những người này học chính quy, 4 năm để lấy bằng Cử nhân ngành Việt Nam học. Chúng tôi khảo sát năng lực tiếng Việt đầu vào để sắp lớp và phân công giảng viên theo dõi, hỗ trợ.

Về phương pháp nghiên cứu, chúng tôi chọn phương pháp định lượng để đánh giá chất lượng và phương pháp ngành, cụ thể là phương pháp so sánh trong ngôn ngữ để so sánh các kết quả giữa các tuần và giữa các hình thức dạy, học cũng như giữa các nhóm đối tượng với nhau để đánh giá kết quả. Cụ thể, không tính những môn học khác, cứ mỗi 4 tuần chúng tôi có một lần kiểm tra năng lực tiếng Việt thông qua hai kỹ năng nghe-nói và viết. Chúng tôi đưa ra đề nghị sinh viên nước ngoài kể/nói lại những gì đã nghe, thấy trong tuần và sau đó viết lại những gì đã nói.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Về hình thức, chúng tôi ngồi thành nhóm và hỏi-nói để tránh cảm giác trả bài, khuôn mẫu.

Để có cơ sở so sánh⁽³⁾, đối chiếu, chúng tôi chọn 123 sinh viên Việt Nam, ngành Sư phạm Tiếng Anh, cũng năm 1, của hai trường đại học trên địa bàn TPHCM. Nội dung, phương pháp và hình thức kiểm tra cũng giống như sinh viên nước ngoài nhưng dĩ nhiên là phải nói, viết bằng tiếng Anh. Chúng tôi giữ những bài viết để so sánh giữa những lần kiểm tra khác nhau.

Để đảm bảo tính khách quan, cả hai đối tượng sinh viên không được báo trước những lần kiểm tra này.

Công cụ đánh giá

Chúng tôi dựa vào tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng Giảng dạy Ngoại ngữ Hoa

Kỳ (1986) (American Council on the Teaching of Foreigner Languages-ACTFL) về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và phát âm tiếng Anh làm chuẩn để khảo sát, có tham khảo *Bộ Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế* của Nguyễn Chí Hòa - Vũ Đức Nghiệu (2014), Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ban hành Khung đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (viết tắt là KNL) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), và Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (The Common European Framework of References for Languages - CEFR) của Hội đồng Châu Âu (Council of Europe - 1984). Cấp độ của các khung tham chiếu này là (chúng tôi không đưa bộ tiêu chuẩn vào đây):

CEFR	ACTFL	KNL
A1, A2	Novice Low Novice Mid Novice High	Sơ cấp: Bậc 1, bậc 2
B1, B2	Intermediate Low Intermediate Mid Intermediate High	Trung cấp: Bậc 3, bậc 4
C1, C2	Advanced Low, Advanced Mid, Advanced High Superior	Cao cấp: Bậc 5, bậc 6

Ghi chú: Đối tượng khảo sát của chúng tôi là năm thứ nhất. Về lý thuyết, hoàn toàn có thể sử dụng các cấp độ cao hơn của ACTFL để khảo sát. Tuy nhiên, như trong bài đã viết, trình độ tiếng Việt của các học viên nước ngoài không đồng đều nên chỉ có thể sử dụng cấp độ thấp nhất trong bảng tiêu chí để đánh giá.

Kỹ năng nghe - đọc và kỹ năng viết - nói thuộc hai khung đối chiếu khác nhau giữa CEFR và ACTFL cho nên chúng tôi chỉ đưa ra bảng này nhằm thấy sự tương đồng (chứ không phải là giống nhau) giữa chúng chứ không phải để so sánh.

Chúng tôi chọn ACTFL làm chuẩn vì ACTFL phổ biến hơn trong trường hợp của chúng tôi. Để đánh giá về những rào cản đối với một người học ngoại ngữ, chúng tôi dựa vào lý thuyết thụ đắc

ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition) của Stephen Krashen (2013) (dẫn theo Nguyễn Chí Hòa - Vũ Đức Nghiệu, 2014).

Kỹ năng được khảo sát và tiêu chí đánh giá

Hai kỹ năng khảo sát là nghe-nói và viết. (Nghe-nói-đọc-viết là bốn kỹ năng khi học một ngôn ngữ. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi thì nghe-nói và đọc viết phải luôn gắn liền nhau. Vì lâu

nay chúng ta dạy từng kỹ năng riêng lẻ nên người học thường rất khó khăn/hạn chế khi sử dụng ngôn ngữ mình học. Chúng tôi ghép chung là vì lý do này). Theo ACTFL, năng lực nghe-nói có các tiêu chí như: mức độ sai khi sử dụng từ, mức độ lưu loát, v.v.; còn năng lực viết có các tiêu chí như: tốc độ viết, số từ sai, số câu đúng, loại câu, v.v. Để đơn giản, mỗi kỹ năng chúng tôi chỉ chọn một tiêu chí. Cụ thể, với năng lực nghe-nói, chúng tôi chọn mức độ sai khi sử dụng từ sau khi kiểm tra năng lực nghe của người học; còn với năng lực viết, chúng tôi chọn tiêu chí số câu đúng (đúng ngữ pháp, không sai chính tả và có nghĩa). Chúng tôi áp dụng hai tiêu chí này cho cả sinh viên Việt Nam lẫn sinh viên nước ngoài.

Thời gian và thời lượng khảo sát

Thời gian khảo sát là hết tuần thứ 4 của tháng. Riêng tháng đầu tiên có hai lần khảo sát (đầu vào và cuối tháng). Thời lượng dành cho cả hai đối tượng là 100 phút nói và 15 phút viết. Tổng số lần khảo sát là 5 (16 tuần = 1 học kỳ) (với môn tiếng, không phải trường nào cũng quy định học 3 tiết (x15 tuần = 45 tiết) mà nhiều trường (hoặc/và môn) chỉ quy định học 2 tiết.

Qua khảo sát và đối sánh kết quả học tiếng của sinh viên Việt Nam và sinh viên nước ngoài, bài viết phân tích và làm rõ thêm nguyên nhân về phương pháp dạy và học ngoại ngữ hiện nay của Việt Nam, trên cơ sở đó gợi mở những nghiên cứu tiếp theo, nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên Việt Nam.

2. KHẢO SÁT ĐẦU VÀO

2.1. Sinh viên nước ngoài

*** Kỹ năng nói**

- 83 sinh viên được đánh giá nói tương đương với Novice Low (Bậc 1, người mới bắt đầu học - sơ cấp / Primary, theo ACTFL), hay A₁, theo CEFR.

- 40 sinh viên được đánh giá nói tương đương với Novice Low (Bậc 1, người đã học sơ cấp / Elementary theo ACTFL), hay A₂ theo CEFR.

*** Kỹ năng viết**

- 97 sinh viên có năng lực viết ở mức độ dưới rất xa so với Novice Low/Primary school (Bậc 1, người mới bắt đầu học - năng lực sơ cấp).

- 26 sinh viên viết khá hơn nhưng cũng chỉ ở mức độ Novice Low (Bậc 1, người đã học trên sơ cấp / Elementary theo ACTFL (tương đương với 3 tháng đầu lớp 1 ở Việt Nam), hay A₂ theo CEFR.

2.2. Sinh viên Việt Nam

*** Kỹ năng nói**

- 103 sinh viên được đánh giá dưới rất xa và rất kém so với Novice Low hay Primary.

- 20 sinh viên được đánh giá tương đương với Novice Low (Bậc 1, gần với sơ cấp).

*** Kỹ năng viết**

- 94 sinh viên có năng lực viết ở mức độ dưới Novice Low / Primary (dưới Bậc 1, người mới bắt đầu học - năng lực sơ cấp, tương đương với tháng thứ 3 của học kỳ 1, lớp 1 ở Việt Nam).

- 29 sinh viên viết khá nhưng cũng chỉ ở mức độ Novice Low cộng (+).

Nhận xét 1: Tất cả học sinh Việt Nam hiện nay đều được học tiếng Anh và học rất nhiều tiết (từ 1.200 đến 2.100 tiết, tương ứng với 7, 10 hoặc 12 năm chính quy, không tính những học sinh phải học thêm. Như vậy, mặc dù là sinh

viên năm thứ nhất đại học nhưng sinh viên Việt Nam đã có thời gian học tiếng Anh khá dài từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông. Hơn nữa, đây là các sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh, về cơ bản các sinh viên này có ‘nền tảng tiếng Anh’ từ bậc học phổ thông khá tốt. Tuy nhiên, kết quả khảo

sát cho thấy, sinh viên Việt Nam nói, viết tiếng Anh đạt cấp độ thấp hơn so với sinh viên nước ngoài học tiếng Việt.

3. KẾT QUẢ

Để tiện theo dõi, chúng tôi trình bày chung trong một bảng (Bảng 1). Đây là những sinh viên đạt từ trung bình trở lên qua 16 tuần.

Bảng 1. Năng lực nghe-nói và viết của sinh viên nước ngoài và sinh viên Việt Nam qua 4 lần kiểm tra

Đối tượng	Lần 1		Lần 2		Lần 3		Lần 4	
	Nghe-nói	Viết	Nghe-nói	Viết	Nghe-nói	Viết	Nghe-nói	Viết
Sinh viên nước ngoài	51/123	49/123	57/123	49/123	66/123	53/123	83/123	55/123
Sinh viên Việt Nam	27/123	33/123	31/123	41/123	36/123	50/123	42/123	59/123

Nhận xét 2:

- Cả hai đối tượng sinh viên, cả hai kỹ năng, đều có kết quả rất tích cực sau mỗi lần khảo sát, tức sau mỗi tháng. Có thể gọi đây là những tiến bộ của cả sinh viên Việt Nam và nước ngoài.

- Sinh viên nước ngoài có sự tiến bộ ở năng lực nghe-nói; còn năng lực viết tuy có thay đổi theo hướng tích cực nhưng thực sự không nhiều và kết quả là sau 16 tuần chỉ 55 sinh viên viết đạt yêu cầu.

So sánh với sự tiến bộ của sinh viên Việt Nam cho thấy sự hạn chế hơn: năng lực nghe - nói của đối tượng này “nhỏ giọt” và nhiều nhất chỉ 6 sinh viên/1 lần khảo sát, tức sau 1 tháng học; còn năng lực viết thì tăng nhiều hơn. Đây có phải là một trong những nguyên nhân tại sao nói chung, trong đó có sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh, không nói được ngôn ngữ này?⁽⁴⁾.

- Theo hồ sơ đầu vào, 123 sinh viên nước ngoài đều đã học tiếng Việt trước khi tới Việt Nam nhưng người học lâu nhất là 8 tháng, người học ít nhất là 3

tháng nhưng sau 4 tháng thì có tới 83 sinh viên nói tiếng Việt từ trung bình trở lên. Trong khi đó, tất cả sinh viên Việt Nam đều đã học 12 năm tiếng Anh trước đó nhưng chỉ 42/123 sinh viên (gần 30%) nói tiếng Anh đạt từ trung bình trở lên.

4. ĐI TÌM NGUYÊN NHÂN

Kết quả học một môn nào đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng theo Stephen Krashen (1981, 2013), Nguyễn Chí Hòa - Vũ Đức Nghiệu (2014) thì học một ngôn ngữ những yếu tố như tâm lý, thái độ, mục tiêu dạy/học, mục đích và phương pháp học/dạy có vai trò rất lớn.

Tâm lý người học

Yếu tố này có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học, gồm:

- Tâm lý tiêu cực: Lo ngại khi ra trường không có việc làm, không thích ngành học nhưng bị ép buộc, không thích môn học (vì không thích giảng viên, giảng viên dạy chưa tốt, khó tiếp thu (input)), ngại nói/ ngượng nói, v.v.

- Tâm lý tích cực: Ngược lại với trên.

Những đối tượng chúng tôi khảo sát đều có tâm lý thứ hai - tích cực - trừ tâm lý ngại nói/ngượng nói. Nhưng như vậy thì tại sao sinh viên nước ngoài lại tích cực nói, còn sinh viên Việt Nam thì thụ động? (tuy không hoàn toàn nhưng kết quả khảo sát trong Bảng 1 đã cho thấy điều này). Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải bắt đầu từ cơ sở, tức lúc bắt đầu học ngoại ngữ (như đã trình bày).

Thái độ đối với môn học

Điều rất rõ ràng là tất cả các đối tượng được khảo sát đều tự nguyện học. Cho nên, tất cả đều thích và nghiêm túc trong việc học. Do đó, người học không chán ghét ngành học (dù có thể không thích môn học, giảng viên nào đó nhưng điều này không ảnh hưởng tới những môn học còn lại). Tất cả 123 sinh viên Việt Nam và 123 sinh viên nước ngoài đều khẳng định như vậy. Cho nên, chúng tôi loại trừ khả năng này.

Mục tiêu dạy và học

Luật Giáo dục quy định: "... Giáo dục tiểu học phải bảo đảm cho học sinh nền tảng phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, kỹ năng xã hội; có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có nhận thức đạo đức xã hội; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán" (Điều 30). Về Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, mục tiêu cơ bản là giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ. Nội dung dạy học cả về năng lực giao tiếp lẫn kiến thức ngôn ngữ đều dựa trên yêu cầu của năng lực giao tiếp Bậc 1, 2 và 3 trong Khung

năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể:

- Các nội dung dạy học ở bậc tiểu học cần đảm bảo giúp học sinh có khả năng "hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể; ... có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng";

- Các nội dung dạy học ở bậc trung học cơ sở cần đảm bảo giúp học sinh có khả năng "hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản;... có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu";

- Các nội dung dạy học ở bậc trung học phổ thông cần đảm bảo giúp học sinh "hiểu và có thể viết được các ý chính của một đoạn văn về các chủ đề quen thuộc" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Tuy nhiên, qua khảo sát chương trình môn học này ở bậc phổ thông, chúng tôi thấy dường như dạy học tiếng Anh bậc phổ thông mới đạt được một phần mục tiêu giáo dục. Trước hết và trên hết là khi tốt nghiệp phổ thông, học sinh phải viết được một văn bản hoàn chỉnh bằng ngôn ngữ này để trình bày những suy nghĩ của mình. Còn với bậc trung học cơ sở thì học sinh phải sử dụng được những mẫu câu đã học.

Mục đích học

Chúng tôi yêu cầu sinh viên trả lời câu hỏi "Mục đích học tiếng Việt/Anh của bạn là gì?", kết quả như sau:

* Sinh viên nước ngoài:

Hiểu biết văn hóa, xã hội và con người Việt Nam (100%); Giao tiếp khi làm việc

ở Việt Nam (91%); Về nước dạy cho học sinh, sinh viên (12%).

* Sinh viên Việt Nam:

Hiểu biết văn hóa, xã hội và con người phương Tây (7%); Giao tiếp khi làm việc với người nước ngoài (11%); Dạy cho học sinh, sinh viên (91%).

Có sự khác nhau về mục đích nhưng rõ ràng vì cần giao tiếp nên 91% sinh viên nước ngoài phải biết nói tiếng Việt (khi có nhu cầu rõ ràng, thiết thực, người học có động lực và có những đầu tư phù hợp), trong khi đó 91% sinh viên Việt Nam học là để dạy. Mà, yêu cầu dạy tiếng, phương pháp dạy và học tiếng ở Việt Nam chỉ là viết được, viết đúng những mẫu câu; cho nên, *nói* chỉ là phụ và đây là lý do tại sao học 12 năm tiếng Anh, học sinh Việt Nam không nói được ngôn ngữ này; học 4 năm chuyên ngành tiếng Anh, giáo sinh cũng không nói được tiếng Anh. Như đã trình bày ở trên, sở dĩ sinh viên Việt Nam ngại nói, ngại nói (và kết quả như trong Bảng 1) là vì ngay từ khi học ngôn ngữ này, học sinh đã không được tập nói, không được tạo thói quen nói, không tạo sự dạn dĩ trong diễn đạt nên càng lớn càng ngại.

Phương pháp dạy và học

Vì sao sinh viên nước ngoài ngại viết và viết kém? Vì họ không quan tâm kỹ năng này. Chúng tôi đưa ra câu hỏi “Nói và viết, bạn thích kỹ năng nào?”, kết quả như sau:

- Sinh viên nước ngoài: 92 sinh viên thích nói hơn thích viết. Lý do: nói mới quan trọng còn viết thì sau này sẽ bổ sung, hoàn chỉnh; 13 sinh viên thích viết vì sợ nói sai; 18 sinh viên thích cả hai. Trong khi đó 89 sinh viên Việt Nam thích viết vì kỹ năng này dễ hơn; 13

sinh viên thích nói vì chán ngữ pháp tiếng Anh; 21 sinh viên thích cả hai.

Về phương pháp giáo dục chương trình phổ thông môn tiếng Anh, theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), đường hướng chủ đạo là giao tiếp. Đường hướng này quy định hoạt động dạy của giáo viên và học của học sinh. Giáo viên tạo cơ hội cho học sinh sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống có nghĩa, sát với cuộc sống hằng ngày, dành thời gian cho học sinh tham gia vào các hoạt động giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc và viết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, phương pháp dạy tiếng Anh hiện nay nói riêng còn là giảng-ghi về ngữ pháp như viết câu, hoàn thiện câu, sử dụng từ đúng, v.v. (output; hiện nay là chiếu) nên phương pháp học (input) của học sinh, sinh viên Việt Nam là ghi chép (hiện nay là download) và hoàn thành những yêu cầu của giảng viên, giáo viên. Đặc biệt bậc tiểu học, nếu phương pháp dạy học tiếng Anh không phù hợp sẽ ảnh hưởng nhiều đến kết quả ‘đầu ra về năng lực tiếng Anh’ của học sinh phổ thông. Vì một đứa trẻ tập nói ở ba năm đầu để nói cả đời, còn các kỹ năng, năng lực sẽ hoàn chỉnh dần trong suốt cuộc đời. Nếu ba năm đầu đời không nói được hoặc có vấn đề về ngôn ngữ, cả đời sẽ bị ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, theo cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang: “Nghe, nói là hai kỹ năng mà giáo viên yếu nhất” (H. Hương - M. Giảng, 2012).

Tới đây thì chúng ta đã có câu trả lời cho năng lực nghe-nói của sinh viên Việt Nam.

5. KẾT LUẬN

Năng lực nghe-nói tiếng Anh của 123 sinh

viên Việt Nam qua khảo sát còn hạn chế. So sánh (dù là khép kín) nhưng năng lực nghe-nói tiếng Việt của sinh viên nước ngoài phát triển nhanh, tích cực sau 4 tháng. Trong cùng thời gian này, năng lực nghe-nói tiếng Anh của sinh viên Việt Nam tuy cũng phát triển tích cực nhưng số lượng không khả quan. Mọi thực trạng đều có nguyên nhân của nó. Mục tiêu đào tạo sẽ quyết định nội

dung và phương pháp đào tạo. Với năng lực đội ngũ và phương pháp dạy và học ngoại ngữ như hiện nay của Việt Nam còn bất cập, dẫn đến kết quả học sinh, sinh viên Việt Nam có kỹ năng tiếng Anh chưa cao. Thực trạng này đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Anh đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay. □

CHÚ THÍCH

- (1) Do chỉ khảo sát học kỳ 1 của mỗi năm học nên năm 2019-2020 chúng tôi không gặp khó khăn của dịch COVID-19.
- (2) Trong bốn trường này, chỉ Trường Đại học Tôn Đức Thắng đồng ý cho nêu tên.
- (3) So sánh trong trường hợp này tuy có khả năng làm hạn chế/phát triển các kỹ năng chứ không phải là ảnh hưởng quyết định trong khi kết quả khảo sát cho thấy tính toàn diện và hệ thống của hạn chế mà sinh viên Việt Nam bộc lộ thì kết luận phải theo hướng khác.
- (4) Sinh viên chuyên ngữ không nói được tiếng Anh và chuyên chọn nghề. - Câu hỏi đặt ra là, tại sao hơn 2/3 sinh viên chuyên ngữ không nói và viết được tiếng Anh? Trong 25 giảng viên đang dạy môn Tiếng Anh tại 4 trường đại học mà chúng tôi có dịp khảo sát, trả lời là “Em nói kém lắm”. Một Hiệu trưởng cho biết mỗi khi có đối tác người nước ngoài, ông đều phải thuê phiên dịch.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. American Council on the Teaching Foreigner Languages - ACTFL. 1986. *The ACTFL Proficiency Guidelines*. USA.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2009. *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở tiểu học – lớp 1*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2014. *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2019. “Tài liệu tập huấn cho cán bộ quản lý sở/phòng giáo dục và đào tạo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018” (Chương trình môn ngoại ngữ). <http://vinhlong.edu.vn/tin-tuc2/van-phong/chuong-trinh-mon-ngoai-ngu.html>, truy cập ngày 10/10/2022.
5. Council of Europe. 1984. “The Common European Framework of Reference for Languages (CEFR)”. <https://www.coe.int/en/web/common-european-framework-reference-languages>, truy cập ngày 4/2/2010.
6. H. Hương - M. Giảng. 2012. “Giáo viên tiếng Anh rớt như sung rụng”. <https://tuoitre.vn/giao-vien-tieng-anh-rot-nhu-sung-rung-496164.htm>, truy cập ngày 4/6/2022.
7. Krashen, Stephen. 1981. *Second Language Acquisition and Second Language Learning*. New York: Pergamon Press. (First internet edition 2002 - http://www.sdkrashen.com/content/books/sl_acquisition_and_learning.pdf).
8. Krashen, Stephen. 2013. *Second Language Acquisition: Theory, Applications, and Some Conjectures*. Cambridge University Press.
9. Nguyễn Chí Hòa - Vũ Đức Nghiệu. 2014. “Bộ Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế”. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Quốc hội. 2019. *Luật Giáo dục* - Luật số: 43/2019/QH-14 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019. Hà Nội.